

Tân Bình, ngày 13 tháng 01 năm 2023

Số: 47/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 361 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1175/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Q, sinh năm: 1984; địa chỉ: A đường L, Phường M, quận B, Thành phố H

Và chị T, sinh năm: 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A đường L, Phường M, quận B, Thành phố H; chỗ ở: C đường P, Phường M, quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T chung sống với nhau từ năm 2013 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2013, quyền số: 01/2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo anh Q và chị T thì sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung với bố mẹ của anh Q tại địa chỉ A đường L, Phường M, quận B, Thành phố H. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn về kinh tế, ngoài ra còn do tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2022, chị T đã chuyển về địa chỉ C đường P, Phường M, quận B,

Thành phố H sinh sống và kể từ thời điểm đó không ai còn quan tâm đến ai. Nay cả hai nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q và chị T đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh Q và chị T.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh Q và chị T có 02 người con chung N, sinh ngày: 25/11/2014 và NN, sinh ngày: 26/11/2016. Anh Q và chị T thỏa thuận giao cháu N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu NN cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy thời điểm hiện tại, cháu N đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng cháu. Tại Bản tự khai ngày 05/01/2023, cháu N trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần phải tôn trọng nguyện vọng của cháu. Đối với cháu NN, thời điểm hiện tại cháu chưa đủ 07 tuổi nên không đặt vấn đề xem xét nguyện vọng của cháu. Nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là quyền lợi của con để nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, nhưng anh Q và chị T chưa yêu cầu. Xét việc anh Q và chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong việc dân sự này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu anh Q và chị T có đủ căn cứ cho rằng anh Q hoặc chị T không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Anh Q và chị T xác định không có tài sản chung.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Q và chị T xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, anh Q và chị T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Q và chị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung N, sinh ngày: 25/11/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung NN, sinh ngày: 26/11/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q tạm thời chưa yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T tạm thời chưa yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu NN.

Hai bên được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị T xác định không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Q và chị T xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, anh Q và chị T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng anh Q và chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2021/0032476 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H. Anh Q và chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- UBND Phường M, quận B,
- Tp. H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 155/2013, quyền số 01/2013 ngày 28/11/2013;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính

